

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/DS-ST  
Ngày: 13 - 8 - 2024  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Mận.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Duy Bản  
2. Bà Bùi Thị Luyến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Biện Thị Uyển Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 7 năm 2024;

– **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị C, sinh năm 1959;

– **Bị đơn:** Bà Thập Thị B, sinh năm 1982 ;

– **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Man T, sinh năm 1978;

– **Người làm chứng:** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1967;

Cùng nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn; Vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn – bà Phạm Thị C trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:*

Thời gian trước đây bà C có cho bà Thập Thị B vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay số tiền khác nhau. Đến ngày 05/01/2023, sau nhiều lần bà C yêu cầu bà B trả nợ nhưng bà B không trả nên bà C có nhờ ông Nguyễn Văn D là trưởng khu phố T gặp bà B để

làm giấy tờ vay mượn. Bà B đã ký xác nhận nợ của bà C 100.000.000đồng và hứa mỗi tháng trả cho bà C 4.000.000đồng tiền nợ gốc, trả trong thời gian 25 tháng thì bà C sẽ không tính lãi đối với số tiền đó. Tuy nhiên sau đó bà B trả tiền góp cho bà C không đều đặn: tháng 1, tháng 2, tháng 3 chỉ trả cho bà C được 7.000.000đồng; tháng 5 trả được 3.000.000đồng; tháng 6 trả được 3.000.000đồng. Tổng cộng trả được cho bà C 13.000.000đồng. Từ đó đến nay bà B ngưng không trả cho bà C nữa. Vì vậy bà C phải khởi kiện ra Tòa án để buộc bà B trả nợ cho bà C. Hiện nay bà C vẫn giữ yêu cầu bà Thập Thị B phải trả cho bà C số tiền nợ gốc 87.000.000đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/5/2023 đến nay theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Chứng cứ mà bà C đã cung cấp trong hồ sơ vụ án là một “giấy mượn tiền” đề ngày 05/01/2023, bên cho mượn là Phạm Thị C, bên mượn là Man Tem, Thập Thị B, có xác nhận của ông Nguyễn Văn D (chữ viết bi, mực màu đen, viết trên giấy kẻ ô li).

*Bị đơn – bà Thập Thị B trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Bà B có quen biết với bà Phạm Thị C do bà C thường cho vay tiền trong xóm của bà B.

Do cần tiền nên trước đây bà B đã nhiều lần vay tiền của bà C, mỗi lần vay từ 2.000.000đồng, 3.000.000đồng đến 5.000.000đồng. Tổng cộng số tiền bà B đã vay của bà C nhiều lần cộng lại thành khoảng 35.000.000đồng. Đối với số tiền này thì hàng tháng bà B đóng lãi cho bà C 3.500.000đồng. Bà B đã trả lãi cho bà C được khoảng một năm thì không có khả năng trả nữa nên đã ngưng không trả lãi cho bà C. Sau nhiều năm bà B không trả lãi được cho bà C thì bà C tính tiền lãi cộng vào tiền gốc thành 100.000.000đồng. Khi bà C làm giấy bà B có nợ bà C 100.000.000đồng thì có nhờ ông D trưởng khu phố làm chứng. Bà C có hứa với bà B cho bà B trả dần và không tính tiền lãi nữa.

Sau khi làm giấy tờ với nhau có sự chứng kiến của trưởng khu phố thì bà B có trả dần cho bà C hàng tháng cụ thể: Tháng 1/2023, bà B trả cho bà C được 4.000.000đồng; tháng 3/2023 bà B trả cho bà C được 3.000.000đồng; tháng 4, 5 năm 2023 bà B trả được 3.000.000đồng; tháng 6/2023 trả được 3.000.000đồng. Tính đến tháng 6/2023 thì bà B trả cho bà C được tổng cộng 13.000.000đồng. Sau đó do gia đình bà B gặp khó khăn nên không thể tiếp tục trả nợ hàng tháng cho bà C được nữa. Sau đó bà C yêu cầu bà B phải trả lãi cho bà C theo lãi Ngân hàng trên số tiền nợ gốc 100.000.000đồng.

Hiện nay bà C yêu cầu bà B trả cho bà C số tiền 87.000.000đồng và tiền lãi phát sinh thì bà B không chấp nhận trả. Bởi vì: Ngoài số tiền gốc 13.000.000đồng bà B đã trả dần cho bà C thì trước đó bà B đã trả dần cho bà C được 23.000.000đồng nên hiện nay bà B chỉ còn nợ lại bà C 64.000.000đồng tiền gốc.

Còn tiền lãi thì trước đây bà C đã hứa không yêu cầu tính lãi nữa nên bà B không chấp nhận trả lãi cho bà C nữa.

Chứng cứ mà bà B cung cấp trong hồ sơ vụ án là một mảnh giấy có nội dung

“Vợ chồng B mượn cô C 100.000.000đ, tháng 01 trả 4.000.000 đồng, tháng 03 trả 3.000.000 đồng, tháng 4, 5 trả 3.000.000 đồng, tháng 6 trả 3.000.000 đồng tính đến ngày 30/06/2023 B trả t/c là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng chẵn)” màu mực đỏ, ngoài ra còn nội dung “ông T đưa 10, B đưa 5000, B đưa 5000, Bích 3000” màu mực xanh.

*\*/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Man T trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Ông Man T là chồng của bà Thập Thị B, thời gian trước đây bà B có mượn tiền của bà Phạm Thị C thì ông T không biết, bà B mượn bao nhiêu, lãi suất hay thời hạn trả khi nào thì ông T đều không biết. Chỉ có một lần bà B yêu cầu ông T đưa tiền cho bà C nhưng khi ông T hỏi tiền gì thì bà B không nói, chỉ nói đưa giùm cho bà C, số tiền ông T đưa bà C là 10.000.000 đồng, thời gian đưa tiền thì ông T không nhớ ngày nào, chỉ nhớ ông T đưa tiền cho bà C vào buổi chiều tối. Hiện nay bà C yêu cầu bà B phải trả cho bà C số tiền 87.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng đối với số tiền nợ trên thì ông T không đồng ý cùng bà B trả tiền vì ông T không mượn tiền bà C và cũng không biết gì về việc bà B mượn tiền bà C, ông T không sử dụng số tiền trên nên không đồng ý trả.

*\*/ Người làm chứng – ông Nguyễn Văn D trình bày ý kiến:*

Khoảng tháng 01 năm 2023 thì bà Phạm Thị C và bà Thập Thị B có đến nhà ông D để nhờ ông D làm chứng và viết dùm bà C, bà B một giấy mượn tiền. Số tiền mà bà Bích m của bà B là 100.000.000 đồng, mỗi tháng bà B phải trả cho bà C số tiền 4.000.000 đồng/tháng. Thời hạn vay là 25 tháng. Nếu bà B không trả hàng tháng số tiền 4.000.000 đồng thì bà C sẽ tính lãi là 1.5%/tháng. Khi đi vay thì chỉ có mặt bà B chứ không có mặt ông T. Khi viết giấy mượn tiền thì ông D không thấy bà B và bà C giao nhận tiền với nhau, chỉ nhờ ông D viết giấy mượn tiền thôi. Ngoài ra việc bà B trả lãi hay trả góp hàng tháng cho bà C như nào thì ông D cũng không biết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị C.

Buộc bà Thập Thị B, ông Man T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị C 87.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà B và ông T phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[2] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn - Bà Phạm Thị C khởi kiện yêu cầu bà Thập Thị B phải có trách nhiệm trả lại cho bà C số tiền 87.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng đối với số tiền nợ trên kể từ tháng 5 năm 2023. Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phạm Thị C:*

3.1. Đối với yêu cầu về nợ gốc:

Bà Phạm Thị C yêu cầu bà Thập Thị Bích t cho bà C số tiền nợ gốc 87.000.000 vì sau khi ký xác nhận số nợ vay 100.000.000 đồng thì bà B mới trả nhiều lần được tổng cộng 13.000.000 đồng, còn nợ lại 87.000.000 đồng.

Bị đơn – bà Thập Thị B cho rằng sau khi bà C và bà B tính toán lại số tiền bà B còn nợ bà C là 100.000.000 đồng thì bà B đã trả cho bà C được tổng cộng 36.000.000 đồng nên chỉ nợ lại 64.000.000 đồng và chỉ chấp nhận trả cho bà C 64.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 05/01/2023, giữa bà Phạm Thị C và bà Thập Thị B có xác lập với nhau một “giấy mượn tiền” trong đó thể hiện số tiền bà Bích m của bà C là 100.000.000 đồng. Thời gian sau đó bà C xác nhận bà B có trả được 13.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 87.000.000 đồng.

Việc bà B cho rằng sau khi ký giấy mượn tiền đã trả cho bà B được 36.000.000 đồng trong đó có 13.000.000 đồng vào các lần như bà C đã thừa nhận còn 23.000.000 đồng bà B cùng chồng là Man T có trả trực tiếp cho bà C. Tuy nhiên tại

phiên tòa bà B cũng xác nhận số tiền 23.000.000đồng bà B cùng chồng là ông Man T trả cho bà C trước thời điểm ngày 05/01/2023 (thời điểm bà C và bà B viết giấy mượn tiền với nhau). Bà C xác nhận trước đó có nhận của bà B và ông T nhiều lần tổng cộng số tiền là 23.000.000đồng nhưng bà C cho rằng đó là số tiền lãi của nhiều năm trước khi bà B vay tiền của bà C. Như vậy, từ sau thời điểm bà C và bà B xác lập giấy mượn tiền với nhau với số tiền 100.000.000đồng thì bà B chỉ mới trả cho bà C được 13.000.000đồng nên số tiền nợ gốc còn lại là 87.000.000đồng. Do đó, cần buộc bà Thập Thị B phải trả cho bà Phạm Thị C số tiền 87.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3.2] Về yêu cầu trả tiền lãi:

Tại phiên tòa bà Phạm Thị C yêu cầu bà Thập Thị B phải trả lãi trên số nợ gốc còn lại là 87.000.000đồng theo mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ tháng 5/2023 cho đến nay.

Bà Thập Thị B không chấp nhận trả lãi vì cho rằng khi bà C và bà B thỏa thuận thống nhất số nợ 100.000.000đồng thì bà C đã hứa cho bà B trả nợ dần hàng tháng và không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo “giấy mượn tiền” đề ngày 5/01/2023 có thể hiện nội dung: “*Mỗi tháng vợ chồng B phải trả cho tôi 4.000.000đồng tiền gốc, trả trong vòng 25 tháng tính từ 5/1/2023 đến tháng 5/2/2025 là trả đủ số tiền trên có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn D KP trưởng. ( Nếu tháng nào không trả thì buộc phải tính lãi xuất 1,5%/tháng*”. Như vậy theo nội dung thỏa thuận này, hàng hàng tháng bà B phải trả đủ và đều đặn cho bà C 4.000.000đồng thì bà C sẽ không yêu cầu trả lãi; còn nếu hàng tháng không trả đủ số tiền 4.000.000đồng cho bà C thì bà B sẽ phải chịu lãi trên số tiền nợ vay. Thực tế, sau khi ký “Giấy mượn tiền” bà B chỉ trả cho bà C được 13.000.000đồng sau đó ngưng không trả nữa. Vì vậy, yêu cầu của bà C về việc tính lãi trên số tiền nợ gốc còn lại (87.000.000đồng) là có căn cứ cần được chấp nhận. Về lãi suất thể hiện theo “Giấy mượn nợ” là 1,5%/tháng. Theo đó tiền lãi được tính như sau:

$87.000.000\text{đồng} \times 1,5\%/tháng \times 15\text{ tháng (từ 5/2023 đến tháng 8/2023)} = 19.575.000\text{đồng}.$

Như vậy, tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi bà Thập Thị B phải trả cho bà Phạm Thị C là 106.575.000đồng (Một trăm linh sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng); trong đó nợ gốc là 87.000.000đồng, nợ lãi là 19.575.000đồng.

Về nghĩa vụ trả nợ vay: Tại phiên tòa, nguyên đơn – bà C yêu cầu ông Man T cùng phải có trách nhiệm liên đới cùng bà B trả nợ vay cho bà C. Bà B và ông Man T đều cho rằng bà B vay tiền của bà C thì ông T không biết và cũng không trực tiếp tham gia vay tiền. Xét thấy: Việc vay mượn tiền của bà C do cá nhân bà Bích t1 xác lập, giao dịch với bà C. Tuy nhiên, thời gian bà B vay tiền của bà C thì bà B và ông T đang là vợ chồng; việc bà B vay tiền của bà C để sử dụng chi tiêu trong gia đình. Vì vậy,

ông T phải có trách nhiệm liên đới cùng bà B trả nợ cho bà C là phù hợp với quy định tại các Điều 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phạm Thị C được chấp nhận nên bị đơn – bà Thập Thị B và ông Man T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Các Điều 463, 466, 468, 457 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phạm Thị C về việc buộc bà Thập Thị B và ông Man T liên đới trả số tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh.

Buộc vợ chồng bà Thập Thị B và ông Man T cùng phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị C số tiền nợ vay là 106.575.000đồng (Một trăm linh sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 87.000.000đồng và 19.575.000đồng tiền lãi.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

### **2. Về án phí:**

Buộc bà Thập Thị B và ông Man T phải liên đới nộp 5.329.000đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách nhà nước.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/8/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Man T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Mận**